

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính
tỉnh Hà Tĩnh năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030;

Thực hiện Quyết định số 3504/QĐ-UBND ngày 22/10/2021 của UBND tỉnh về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 2454/QĐ-UBND ngày 04/12/2022 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án “Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”;

Thực hiện Văn bản số 4625/BNV-CCHC ngày 02/7/2025 của Bộ Nội vụ về việc xây dựng kế hoạch cải cách hành chính và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Văn bản số 3099/SNV-CCHC&VTLT ngày 10/7/2025 (sau khi có ý kiến thống nhất của các Sở: Tài chính, Tư pháp, Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành; thay thế Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 31/12/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2025.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các xã,

phường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Chỉ đạo CCHC của Chính phủ (b/c);
- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Nội vụ (b/c);
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Thành viên BCD, TGV CCHC tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NC₄.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính tỉnh Hà Tĩnh năm 2025

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành công tác cải cách hành chính (CCHC) của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo đột phá trong CCHC năm 2025. Tăng cường trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong việc triển khai nhiệm vụ CCHC, đảm bảo phù hợp, hiệu quả trong thực hiện CCHC với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

1.2. Tiếp tục triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030¹ của Chính phủ, của Tỉnh; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 26/5/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh CCHC, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi là Nghị quyết số 12-NQ/TU). Trong đó, chú trọng cải thiện nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số CCHC (PAR INDEX) của tỉnh năm 2025, Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI), góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.3. Tiếp tục đẩy mạnh công tác CCHC nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại; tập trung trọng tâm vào cải cách thể chế, cải cách chế độ công vụ, xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, nâng cao chất lượng dịch vụ công, cải cách thủ tục hành chính (TTHC), đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân và doanh nghiệp trong giải quyết TTHC; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

2.1. Triển khai thực hiện nhiệm vụ CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với tình hình thực tế của từng cơ quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm nghiêm túc, hiệu quả, hoàn thành đúng thời gian quy định và bám sát sự chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh. Trong quá trình triển khai yêu cầu lồng ghép triển khai đồng bộ, thống nhất các mục tiêu, nhiệm vụ theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 gắn với Nghị quyết cấp ủy Đảng, chương trình, kế hoạch, Đề án của chính quyền các cấp về CCHC.

2.2. CCHC phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp; lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo đánh giá hiệu quả, chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Người đứng đầu các cơ quan, đơn

vị, địa phương phải xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt; phải xuất phát từ lợi ích của người dân, doanh nghiệp, lấy sự hài lòng của người dân, tổ chức là thước đo đánh giá hiệu quả, chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Các nội dung CCHC phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm; gắn với tình hình thực tiễn của mỗi cơ quan, địa phương.

2.3. Các Sở, ngành: Nội vụ, Tư pháp, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Văn phòng UBND tỉnh chịu trách nhiệm về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý; các sở, ban, ngành liên quan, UBND cấp xã theo chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC đảm bảo kịp thời, hiệu quả.

2.4. Bố trí đủ nguồn lực và có các giải pháp triển khai cụ thể để đảm bảo tính thực tiễn, khả thi của kế hoạch. Gắn việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC hàng năm với đánh giá trách nhiệm, năng lực lãnh đạo, quản lý của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác bình xét thi đua, khen thưởng.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Chỉ đạo điều hành CCHC

1.1. 100% các sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp xã ban hành kế hoạch và triển khai có hiệu quả kế hoạch CCHC năm 2025.

1.2. Tối thiểu 35% cơ quan, đơn vị được kiểm tra CCHC trong năm 2025; 100% các đơn vị, địa phương ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, tự kiểm tra CCHC các đơn vị trực thuộc, đảm bảo thực chất và đúng quy định.

1.3. Phần đầu ít nhất có 03 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC áp dụng có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương.

2. Cải cách thể chế

2.1. Phần đầu 100% nội dung được Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời, chất lượng.

2.2. Phần đầu 100% văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế theo kết quả rà soát.

2.3. Phần đầu 100% văn bản QPPL của Trung ương, của Tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả.

3. Cải cách thủ tục hành chính

3.1. Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa hồ sơ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương ứng: cấp tỉnh 100%, cấp xã 95% số hồ sơ tiếp nhận

3.2. 90% TTHC cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số TTHC đủ điều kiện được triển khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia;

3.3. Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch của dịch vụ công đạt tối thiểu 70%.

3.4. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận giải quyết TTHC đạt tối thiểu 70%.

3.5. 100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, công bố, công khai.

3.6. Tỷ lệ kết quả xử lý hồ sơ TTHC của tỉnh được đồng bộ trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt 100%;

3.7. Tỷ lệ nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao được theo dõi giám sát, đánh giá dựa trên dữ liệu số đạt 100%;

3.8. Tỷ lệ dữ liệu thực hiện nhiệm vụ được theo dõi, giám sát đến đơn vị trực tiếp thực hiện tại sở, ban, ngành, địa phương đạt 100%;

3.9. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt từ 95% trở lên. Phấn đấu trong 06 tháng cuối năm tổ chức ít nhất từ 01 đến 02 cuộc đối thoại/diễn đàn của lãnh đạo UBND tỉnh với người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

4.1. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, đơn vị theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

4.2. 100% cơ quan, tổ chức được phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giữa cấp trên với cấp dưới; khắc phục được tình trạng chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, tổ chức trong hệ thống hành chính nhà nước.

4.3. Phấn đấu năm 2025 giảm 28 biên chế công chức so với năm 2024.

5. Cải cách chế độ công vụ

5.1. 90% cán bộ, công chức cấp xã khối chính quyền có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền).

5.2. Năm 2025 thu hút nhân tài vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh khoảng 02% so với tổng số tuyển dụng mới.

6. Cải cách tài chính công

6.1. Giảm tối thiểu 2,5% chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước của các đơn vị sự nghiệp công lập nhóm 3 so với năm trước liền kề (không bao gồm quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng và không bao gồm kinh phí cắt giảm, tiết kiệm 5% theo Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 04/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ).

6.2. 100% đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

6.3. 100% cơ quan hành chính nhà nước được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP của Chính phủ.

6.4. Có ít nhất 02 đơn vị sự nghiệp công lập tăng mức độ tự chủ so với năm trước liền kề.

6.5. Tỷ lệ sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý đạt trên 85%.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

7.1. 100% cơ quan Đảng, chính quyền các cấp kết nối mạng truyền số liệu

chuyên dùng.

7.2. 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số, bảo đảm ứng dụng hiệu quả các nền tảng số, khai thác dữ liệu số trong hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của các ngành, các cấp.

7.3. 40% hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây. 100% chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất, liên thông.

7.4. 100% hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước phê duyệt cấp độ an toàn; 100% hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn.

7.5. Thực hiện lập hồ sơ điện tử trên phần mềm Hồ sơ công việc đảm bảo 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh và cấp xã (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước và hồ sơ có thành phần tài liệu phức tạp như khổ giấy lớn hoặc đóng quyển dày...).

7.6. Hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, thực hiện chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

7.7. 100% Quyết định công bố Danh mục TTHC và Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã do UBND tỉnh ban hành được soát xét, kiểm tra đáp ứng yêu cầu.

7.8. 100% các cơ quan, đơn vị đã xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 thực hiện việc duy trì và cải tiến hệ thống tại cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu.

7.9. 100% các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập thực hiện rà soát, điều chỉnh và công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo TCVN ISO 9001:2015.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHUNG

1. Công tác triển khai nhiệm vụ cải cách hành chính

- Tiếp tục chỉ đạo đồng bộ, hiệu quả, cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, xác định rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện Chương trình tổng thể CCHC nhà nước tỉnh giai đoạn 2021 - 2030; Nghị quyết số 12-NQ/TU của Tỉnh ủy, Đề án của UBND tỉnh và các nội dung liên quan.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, duy trì đánh giá, xếp loại đối với người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong CCHC. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh, từ đó nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai thực hiện công tác CCHC.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ CCHC nhà nước năm 2025. Kịp thời ban hành và triển khai kế hoạch CCHC riêng của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đầy đủ nội dung công tác CCHC theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Tăng cường

công tác đối thoại của người đứng đầu các cấp với người dân, doanh nghiệp theo quy định.

- Tăng cường đổi mới, đa dạng hóa hình thức, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền, quán triệt thực hiện các văn bản của các cấp về CCHC, như: trên các ấn phẩm của Báo Hà Tĩnh; phát huy vai trò của các cơ quan truyền thông, báo chí Trung ương thường trú trên địa bàn tỉnh trong việc thông tin, tuyên truyền CCHC; trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; thông qua các cuộc họp giao ban, trên Cổng/Trang thông tin điện tử, các nền tảng truyền thông mạng xã hội, hệ thống thông tin cơ sở, đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên của đơn vị, địa phương; tổ chức tuyên truyền qua các hoạt động tập huấn, tọa đàm, tham quan, học tập, trao đổi kinh nghiệm về CCHC.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, trang bị các kiến thức, kinh nghiệm về CCHC; giới thiệu, mạnh dạn áp dụng các mô hình mới, sáng kiến, cách làm hay trong CCHC vào thực tiễn.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp theo dõi, đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC. Nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định chỉ số CCHC theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức khảo sát, đánh giá.

- Tổ chức tốt công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất về công tác CCHC; tăng cường kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trong đó kết hợp kiểm tra kết quả tổ chức, triển khai công tác CCHC của các đơn vị, địa phương qua các ứng dụng, phần mềm liên quan về CCHC. Xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền khen thưởng, biểu dương các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ CCHC.

2. Cải cách thể chế

- Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 140/NQ-CP ngày 17/5/2025 của Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW, Chương trình hành động số 45-CTr/TU ngày 03/7/2025 của Tỉnh ủy.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Quyết định số 300/QĐ-UBND ngày 26/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Đề án hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030.

- Thực hiện nghiêm quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 và các Nghị định hướng dẫn thi hành theo đúng nguyên tắc, quy trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm dân chủ, chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả. Tổ chức tổng kết việc thi hành pháp luật, đánh giá các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan đến dự thảo văn bản. Thực hiện nghiên cứu chính sách từ sớm, đánh giá kỹ tác động của chính sách.

- Thường xuyên, chủ động kiểm tra, rà soát các quy định của pháp luật để

phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp để đưa thể chế, văn bản QPPL pháp luật của tỉnh trở thành lợi thế cạnh tranh.

- Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền tạo sự chủ động cho địa phương theo tinh thần: “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” gắn với việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Ban hành Kế hoạch xây dựng văn bản QPPL hằng năm gắn với các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tham mưu UBND tỉnh ban hành hoặc trình HĐND tỉnh ban hành kịp thời, đầy đủ văn bản được giao quy định chi tiết đảm bảo hành lang pháp lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới. Xây dựng, ban hành văn bản QPPL đảm bảo đúng thẩm quyền, nội dung phù hợp với văn bản Trung ương, bám sát thực tiễn địa phương.

- Thực hiện nghiêm quy định tại Nghị định số 80/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật. Thường xuyên đánh giá hiệu quả của các văn bản quy phạm pháp luật sau khi ban hành, nhất là các cơ chế, chính sách nhằm phát hiện bất cập, vướng mắc trong các quy định tại các văn bản QPPL, từ đó kịp thời tham mưu sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ cho phù hợp. Tăng cường đối thoại, tiếp nhận, lắng nghe phản ánh, kiến nghị, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc về pháp lý của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương nhằm tháo gỡ kịp thời vướng mắc có nguyên nhân từ quy định của pháp luật. Đẩy mạnh công tác truyền thông chính sách, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của người dân, doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận, ủng hộ trong xã hội.

- Tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Thực hiện chuẩn hóa cơ sở dữ liệu về văn bản QPPL của tỉnh, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm phục vụ hiệu quả cho công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát và tổ chức thi hành pháp luật.

3. Cải cách thủ tục hành chính

- Tiếp tục triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tổ công tác cải cách TTHC của Chính phủ, Văn phòng Chính phủ về cải cách TTHC; bảo đảm công tác CCHC được triển khai một cách kịp thời, thông suốt và hiệu quả, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền 02 cấp và đáp ứng mục tiêu, tiến độ cải cách được Chính phủ đề ra tại Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Bộ Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử.

- Thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Tập trung rà soát, đơn giản hóa các TTHC nội bộ giữa cơ các quan hành

chính nhà nước không liên quan đến người dân, doanh nghiệp; tăng cường trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện TTHC nội bộ giữa cơ các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã. Tất cả các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết chính quyền 02 cấp được giải quyết đúng quy định theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và được kiểm soát chặt chẽ qua Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (trừ các TTHC đặc thù hoặc được UBND tỉnh cho phép thực hiện tại cơ quan, đơn vị). Đảm bảo Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoạt động ổn định, hiệu quả và kết nối với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

- Rà soát, công bố danh mục TTHC áp dụng trên địa bàn tỉnh, cập nhật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC ngay sau khi Bộ, cơ quan ngang bộ công bố TTHC; điều chỉnh quy trình nội bộ, quy trình điện tử, dịch vụ công trực tuyến, bảo đảm thực hiện TTHC, cung cấp dịch vụ công thông suốt, hiệu quả, không bị gián đoạn.

- Rà soát, ban hành danh mục TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi của tỉnh theo lộ trình, bảo đảm hoàn thành 100% TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi của tỉnh trong tháng 12/2025.

- Bảo đảm 100% TTHC liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch, hiệu quả, giảm tối đa giấy tờ, hoàn thành trong năm 2025.

- Thực hiện kiểm soát trách nhiệm giải quyết công việc của các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong việc tiếp nhận hồ sơ, giải quyết TTHC; giảm tỷ lệ hồ sơ trễ hạn giải quyết; nghiêm túc thực hiện xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết TTHC.

- Thực hiện nghiêm túc việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí giải quyết TTHC trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh nhất là thanh toán trực tuyến các thủ tục đất đai, thu lệ phí trước bạ...

- Triển khai thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành, thực hiện nghiêm việc số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC trong quá trình tiếp nhận, xử lý tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cấp xã, thông tin người dùng trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, tổ chức tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC cho người dân, doanh nghiệp nhanh chóng, thuận lợi, đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật

- Tổ chức tập huấn, kiểm tra và hướng dẫn việc thực hiện công tác kiểm soát, cải cách TTHC tại các sở, ban, ngành, UBND cấp xã.

4. Cải cách tổ chức bộ máy

- Tập trung rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ, liên thông, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới trên cơ sở quy định pháp luật và Văn bản hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Trung ương, của tỉnh.

- Quy định, hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Phê duyệt Đề án tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý, bảo đảm giảm tỷ lệ và nâng cao hiệu quả chi ngân sách nhà nước đối với dịch vụ sự nghiệp công: rà soát, đánh giá cụ thể khả năng tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập để xây dựng phương án, lộ trình chuyển dần mức độ tự chủ, giảm số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật nhằm phát huy tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của từng đơn vị, địa phương.

- Tập trung xây dựng và hoàn thiện Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch viên chức để chủ động sắp xếp, tinh giản biên chế trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Thực hiện tinh giản biên chế năm 2025 theo chủ trương tại Kết luận số 28-KL/TW và Kết luận số 40-KL/TW của Bộ Chính trị và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

- Tăng cường công tác kiểm tra việc quản lý, bố trí sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí số lượng cấp trưởng, cấp phó tại các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh bảo đảm đúng quy định.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hành chính, cải tiến quy trình, quy chế làm việc, loại bỏ các khâu trung gian để tổ chức, sắp xếp lại bộ máy đảm bảo tinh gọn.

5. Cải cách chế độ công vụ

- Thực hiện nghiêm các quy định về tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm cơ chế cạnh tranh lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch trong tuyển dụng, bổ nhiệm, đề bạt công chức, viên chức. Tăng cường kiểm tra để kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm trong tuyển dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức.

- Để đẩy mạnh thu hút nhân tài, các cơ quan, đơn vị thường xuyên quán triệt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về thu hút, trọng dụng nhân tài; về ý nghĩa, tầm quan trọng của chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài trong xây dựng phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh và đất nước; tham mưu tổ chức tuyển dụng công chức, viên chức theo Nghị định của Chính phủ; lấy kết quả triển khai, thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài là một trong các nội dung đánh giá đối với người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo tiêu chuẩn, chức danh theo quy định; nâng cao chất lượng, tinh thần trách nhiệm, đạo đức, tác phong chuyên nghiệp, kỷ luật, kỷ cương, thân thiện và tận tình phục vụ Nhân dân của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Tiếp tục chấn chỉnh, tăng cường trách nhiệm trong xử lý công việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ theo Công điện số 280/CD-TTg và số 968/CD-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Kết luận

số 29-KL/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các văn bản quy định, hướng dẫn của tỉnh.

- Triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2025 theo kế hoạch; tiếp tục đổi mới hình thức, nội dung, chương trình bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, công chức, viên chức đảm bảo thiết thực, phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

6. Cải cách tài chính công

- Tăng cường các biện pháp để giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo quy định, thực hiện các nhiệm vụ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

- Chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.

- Đẩy mạnh việc giao tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP).

- Đôn đốc các Sở, ban, ngành, đơn vị xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật đối với các dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý tại địa phương theo quy định tại khoản 25 Điều 1 Nghị định số 111/2025/NĐ-CP.

- Đôn đốc các Sở, ban, ngành, đơn vị xây dựng, tham mưu UBND tỉnh ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công.

- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập; kết quả thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế, kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước.

7. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số và áp dụng ISO

7.1. Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số

- Chỉ đạo, đôn đốc các ngành, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và thực trạng của đơn vị, địa phương, tăng cường chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số đảm bảo chất lượng, hiệu quả theo các mục tiêu tại Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và các văn bản có liên quan; Chương trình hành động số 42-CT/TU ngày 10/4/2025 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Kế hoạch số 231/KH-UBND ngày 10/5/2025 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Chương trình hành động số 42-CTr/TU ngày 10/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Rà soát, điều chỉnh và xây dựng bổ sung các quy định liên quan đến chuyển đổi số, tạo môi trường thuận lợi, hoàn thiện về thể chế, chính sách thúc đẩy quá trình phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số được an toàn và hiệu quả.

- Tiếp tục triển khai các giải pháp nhằm nâng cao Chỉ số DTI của các sở, ngành, địa phương và của tỉnh.

- Thực hiện có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch số 568/KH-UBND ngày 13/12/2023 của UBND tỉnh về phát triển hạ tầng số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

- Tiếp tục triển khai đào tạo các khoá học trực tuyến về chuyển đổi số trên nền tảng số quốc gia, nền tảng số của tỉnh (MobiEdu) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân trên địa bàn tỉnh đảm bảo theo quy định.

- Tiếp tục mở rộng kết nối, tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia với Hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh thông qua Nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu (LGSP) của tỉnh; Chú trọng phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu của các ngành, các cấp. Triển khai Kho dữ liệu dùng chung và Công dữ liệu mở của tỉnh từng bước kết nối liên thông, hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; hình thành cơ sở dữ liệu mở theo định hướng tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân, doanh nghiệp một lần khai báo được sử dụng trọn đời, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai hệ thống giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC); hệ thống phòng, chống mã độc quản trị tập trung. Tiếp tục hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

- Triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực quan trọng: Giáo dục, Y tế, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Bảo hiểm xã hội, ... Tiếp tục triển khai các giải pháp hỗ trợ y tế thông minh, giáo dục thông minh, thanh toán không dùng tiền mặt, hoá đơn điện tử, chữ ký số công cộng, thuê hệ thống ứng dụng quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử, ...

7.2. Áp dụng ISO trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị

- Tiếp tục tổ chức duy trì, cải tiến có hiệu quả việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng tại các cơ quan đơn vị đã xây dựng và áp dụng đảm bảo yêu cầu của tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015.

- Chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập thực hiện rà soát, điều chỉnh và công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo TCVN ISO 9001:2015.

- Tổ chức triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại 09 Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên.

- Tiếp tục soát xét, thẩm định danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, các quy trình được xây dựng theo hướng tối ưu hóa quá trình xử lý công việc, đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá hàng năm đối với việc thực hiện xây dựng, áp dụng, duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị. Phối hợp lồng ghép các cuộc kiểm tra cải cách hành chính để đánh giá chất lượng hệ thống.

- Tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao nhận thức, kỹ năng, nghiệp vụ về xây dựng, áp dụng, kiểm tra, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 cho cán bộ, công chức tại các cơ quan, đơn vị.

- Xây dựng báo cáo sơ kết đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 9/8/2022 của UBND tỉnh về xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính sự nghiệp tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2030.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CỤ THỂ

Mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, sản phẩm, phân công cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và thời gian cụ thể thực hiện **theo Phụ lục kèm theo.**

V. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện Kế hoạch CCHC năm 2025 được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định về phân cấp ngân sách và các quy định khác. Đối với các nhiệm vụ được phê duyệt theo Đề án, Kế hoạch, Dự án thực hiện theo kinh phí của Đề án, Kế hoạch, Dự án được phê duyệt.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06

- Căn cứ Kế hoạch của UBND tỉnh, tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo CCHC theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phát huy vai trò các thành viên Ban Chỉ đạo được giao chủ trì thực hiện các lĩnh vực/nội dung của tỉnh về CCHC; chịu trách nhiệm chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc triển khai các nội dung được giao chủ trì theo Kế hoạch này và theo quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo và Tiểu Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh đảm bảo tiến độ, chất lượng theo quy định.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 tỉnh chỉ đạo quyết liệt thúc đẩy công tác CCHC; quan tâm bố trí nhân lực, tài chính, thời gian và các nguồn lực cần thiết; chỉ đạo, lãnh đạo kịp thời, thường xuyên, liên tục các vấn đề đặt ra từ thực tiễn, giải đáp, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của địa phương trong triển khai các nội dung, nhiệm vụ CCHC.

2. Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã

2.1 Tổ chức thực hiện các nội dung CCHC theo kế hoạch. Căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được xác định tại Kế hoạch này, Giám đốc các

sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã; chủ động xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đồng bộ, thống nhất theo Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030, Nghị quyết số 12-NQ/TU, Đề án triển khai của UBND tỉnh và các nội dung liên quan theo đúng quy định và phù hợp với thực tiễn của cơ quan, đơn vị, địa phương; đồng thời tập trung chỉ đạo, quán triệt, tổ chức triển khai, kiểm tra thực hiện đạt hiệu quả, đúng tiến độ đề ra.

Kế hoạch CCHC năm 2025 sửa đổi, bổ sung của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND cấp xã báo cáo về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) **trước ngày 25/7/2025** để tổng hợp, theo dõi chung.

2.2. Thực hiện nghiêm quy định tại Quyết định số 54/2019/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của UBND tỉnh về ban hành quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh về thực hiện CCHC; tiếp tục đổi mới phương thức chỉ đạo, điều hành công tác CCHC bằng những việc làm cụ thể, có tính đột phá để đạt hiệu quả thực chất. Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện từng nội dung CCHC nhất là công nghệ thông tin, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước.

2.3. Đẩy mạnh thông tin truyền thông, tạo đồng thuận xã hội thúc đẩy CCHC, nhất là TTHC; rà soát, đơn giản hóa, cập nhật, công khai và hướng dẫn kịp thời, đầy đủ các TTHC, các văn bản quy định về TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của cơ quan, đơn vị tại trụ sở làm việc, trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị.

2.4. Tổ chức hội nghị đối thoại với người dân, tổ chức và doanh nghiệp về các vấn đề có liên quan tới giải quyết công việc của người dân, tổ chức và doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị theo quy định.

2.5. Chủ động, mạnh dạn đề xuất thực hiện hoặc thí điểm thực hiện những mô hình, giải pháp, sáng kiến hiệu quả, có tính khả thi và có sự đồng thuận cao từ phía tổ chức, người dân để tạo sự đột phá trong công tác CCHC. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ liên quan đến giao tiếp, văn hóa ứng xử, quyền và nghĩa vụ của công chức, viên chức, kỷ luật, kỷ cương hành chính, ưu tiên bồi dưỡng đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức tiếp dân, thực hiện TTHC, giải quyết công việc liên quan đến người dân, tổ chức tại các lĩnh vực đất đai, xây dựng, lao động thương binh và xã hội, tư pháp, y tế, bảo hiểm xã hội... nội dung của Chỉ số PARINDEX, SIPAS đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý.

2.6. Thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước bằng các hình thức phù hợp, thuận tiện cho người dân, tổ chức và đảm bảo thực chất, hiệu quả. Định kỳ hàng quý có báo cáo kết quả lấy ý kiến đánh giá phục vụ công tác chỉ đạo điều hành CCHC của người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

2.7. Triển khai việc đánh giá kết quả công tác CCHC qua xác định Chỉ số CCHC hằng năm đối với cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo thực chất, khách quan, phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ CCHC; thực hiện sơ kết, tổng kết công tác CCHC theo quy định.

3. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh

- Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2025 sửa đổi, bổ sung theo hướng dẫn của ngành (nếu có) và Kế hoạch của UBND tỉnh đảm bảo chất lượng, tiến độ và gửi kế hoạch CCHC năm 2025 về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) **trước ngày 25/7/2025.**

- Chủ động triển khai có hiệu quả các nội dung CCHC của ngành, đồng thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ cải cách các TTHC chính có liên quan, nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ người dân và tổ chức trên địa bàn tỉnh.

- Tích cực thực hiện công tác tuyên truyền về CCHC; mở rộng các hình thức tuyên truyền về công tác CCHC tại cơ quan, ngành mình.

4. Sở Nội vụ

- Là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, đánh giá; tổ chức sơ kết, tổng kết việc triển khai kế hoạch CCHC năm 2025 của tỉnh đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ theo quy định.

- Chịu trách nhiệm đôn đốc, triển khai Kế hoạch này và chủ trì tham mưu tổ chức kiểm tra công tác CCHC theo kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn tỉnh; chủ trì tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện công tác CCHC của tỉnh đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định.

- Tăng cường phối hợp với các cơ quan chủ trì thực hiện các nội dung CCHC của tỉnh để tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ CCHC có chất lượng, hiệu quả.

- Kịp thời cập nhật, rà soát, tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh phân công nhiệm vụ đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tham mưu triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC năm 2025 theo Kế hoạch này (nếu có) sau khi hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy theo chủ trương của Trung ương và của Tỉnh qua tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW.

5. Văn phòng UBND tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các đơn vị liên quan kiểm soát chặt chẽ số liệu TTHC thực hiện “tiếp nhận và trả kết quả” trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Thực hiện hướng dẫn, theo dõi hồ sơ TTHC của tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền được giao trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

6. Báo Hà Tĩnh

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng chuyên mục, chuyên trang về CCHC trên báo, đài, báo điện tử; tuyên truyền, phổ biến

sâu, rộng, có trọng tâm, trọng điểm, bằng nhiều hình thức nhất là thông tin, tuyên truyền về các mô hình hay, cách làm tốt, cũng như các tồn tại, hạn chế và góp ý, hiến kế cho các cấp chính quyền làm tốt hơn công tác này. Đồng thời nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về công tác CCHC; giúp người dân, doanh nghiệp được tiếp cận để hiểu rõ hơn về các nội dung công tác CCHC.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh

- Tăng cường phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia vào các khâu, lĩnh vực trong tiến trình CCHC. Phát huy vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong thực hiện CCHC nhà nước các cấp.

- Vận động người dân, doanh nghiệp và cơ quan truyền thông, báo chí giám sát việc thực hiện CCHC góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và Nhân dân để phản ánh với cấp ủy, chính quyền góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp.

Yêu cầu Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND cấp xã triển khai Kế hoạch này một cách kịp thời, hiệu quả; báo cáo kết quả thực hiện theo quý, 6 tháng, năm và đột xuất (nếu có) công tác CCHC về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ); Sở Nội vụ tổng hợp kết quả triển khai thực hiện tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ, Ban Chỉ đạo CCHC Chính phủ theo quy định. Đồng thời kịp thời tham mưu UBND tỉnh đôn đốc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện hoàn thành đảm bảo chất lượng, hiệu quả Kế hoạch này./.

PHỤ LỤC
KHUNG NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
I	CÔNG TÁC TRIỂN KHAI CÁC NHIỆM VỤ CCHC							
1	1.1. Nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành; tổ chức thực hiện có hiệu quả, đảm bảo chất lượng các nội dung, nhiệm vụ trong kế hoạch CCHC của tỉnh	2.1. Cập nhật, bổ sung ban hành Kế hoạch CCHC 06 tháng cuối năm 2025 của tỉnh	3.1. Xây dựng dự thảo văn bản đề xuất mục tiêu, nhiệm vụ 3.2. Tổng hợp và xin ý kiến, hoàn thiện dự thảo, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành	Văn bản và các dự thảo kèm theo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan khác	Tháng 7/2025	
		2.2. Nghiên cứu sửa đổi Bộ tiêu chí xác định Chỉ số CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	3.3. Xây dựng dự thảo văn bản, Quyết định, xin ý kiến	Công văn, dự thảo Quyết định	Sở Nội vụ	Các sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã	Quý III, IV năm 2025	
		2.3 Duyệt và nâng cấp một số chức năng của hệ thống phần mềm hỗ trợ, theo dõi đánh giá CCHC của tỉnh phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh	3.4 Xây dựng báo cáo, triển khai nâng cấp phần mềm	báo cáo, đề xuất, văn bản liên quan			Quý III, IV năm 2025	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		2.4. Xây dựng, ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC và các chỉ số liên quan năm 2025	3.5. Xây dựng, ban hành kế hoạch	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường	Tháng 01/2025 (đã hoàn thành)	
			3.6. Tổ chức thực hiện Kế hoạch tuyên truyền	Các hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú	Các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường	Sở Nội vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thường xuyên	
			3.7. Duy trì và phát huy hiệu quả chuyên mục cải cách hành chính; lồng ghép tuyên truyền CCHC trong các chuyên mục ấn phẩm khác trên các ấn phẩm truyền thông của Báo Hà Tĩnh	Phóng sự, bài viết	Báo Hà Tĩnh	Sở Nội vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường	Thường xuyên	
		2.5. Tổ chức các hội nghị sơ kết, tổng kết	3.7. Các văn bản triển khai các hội	Công văn, báo cáo,	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì	Năm 2025	Theo dự toán

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			nghị	giấy mời, thông báo kết luận		CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan		được cấp
2	1.2. Cải thiện, nâng cao thứ hạng Chỉ số CCHC của tỉnh và các chỉ số liên quan	2.6. Triển khai xác định chỉ số PARINDEX của tỉnh năm 2025 theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ	3.8. Văn bản chỉ đạo triển khai xác định chỉ số PARINDEX của tỉnh năm 2025 3.9. Công văn, hướng dẫn, Báo cáo tự đánh giá chấm điểm chỉ số PARINDEX của tỉnh năm 2025	Công văn; Báo cáo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh	Theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ	Theo dự toán được cấp
		2.7. Ban hành, triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại, hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số PAPI, PARINDEX, SIPAS	3.10. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các Chỉ số PAPI, PARINDEX, SIPAS 3.11. Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại, hạn chế của các chỉ số	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Sau khi các cơ quan TW công bố chỉ số PAPI, PARINDEX, SIPAS	Theo dự toán được cấp
		2.8. Triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại hạn chế, duy trì, nâng	3.12. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Tài chính	Các cơ quan chủ trì CCHC của	Sau khi các cơ quan liên	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		cao các chỉ số PCI	chỉ bị trừ điểm trong kết quả các chỉ số PCI 3.13. Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại hạn chế của các chỉ số			tỉnh, các cơ quan liên quan	quan công bố chỉ số PCI năm 2025	
		2.9. Triển khai các giải pháp khắc phục tồn tại hạn chế, duy trì, nâng cao các chỉ số DTI	3.14. Văn bản đề nghị các ngành phân tích làm rõ các tiêu chí bị trừ điểm trong kết quả các chỉ số DTI 3.15. Văn bản chỉ đạo khắc phục các tồn tại hạn chế của các chỉ số	Công văn (kế hoạch); Báo cáo	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các cơ quan liên quan	Sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố chỉ số DTI năm 2025	
3	1.3. Phần đầu ít nhất có 03 sáng kiến (hoặc giải pháp mới) về CCHC áp dụng có hiệu quả đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương	2.10. Giới thiệu các mô hình, sáng kiến áp dụng và nhân rộng tại các cơ quan, đơn vị, địa phương	3.16. Tập hợp, rà soát các sáng kiến, mô hình hay, hiệu quả giới thiệu cho các cơ quan, đơn vị, địa phương	- Văn bản rà soát, giới thiệu - Tóm tắt giới thiệu các mô hình, sáng kiến	Sở Nội vụ chủ trì đối với nhân rộng mô hình hay; Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì đối với áp dụng các sáng kiến	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Thường xuyên	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
4	1.4. Tối thiểu 35% cơ quan đơn vị được kiểm tra CCHC trong năm 2025				CCHC			
		2.11 Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến mới (giải pháp mới) về CCHC	3.17. Viết sáng kiến, đánh giá hiệu quả và áp dụng vào thực tiễn	Các sáng kiến, giải pháp	Các cơ quan chủ trì các lĩnh vực CCHC tỉnh; cơ quan, đơn vị, địa phương	Cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên	
		2.12. Tổ chức kiểm tra CCHC (gắn với kiểm tra thực hiện Nghị quyết số 12-NQ/TU và Đề án UBND tỉnh triển khai Nghị quyết số 12-NQ/TU)	3.18 Ban hành Kế hoạch Kiểm tra CCHC 3.19. Thông báo lịch kiểm tra và tiến hành kiểm tra tại các đơn vị, địa phương 3.20. Biên bản kiểm tra các đơn vị, địa phương 3.21. Báo cáo kết quả kiểm tra 3.22. Ban hành Văn bản chỉ đạo khắc phục tồn tại, hạn chế sau kiểm tra	Kế hoạch, Công văn, Báo cáo kết quả kiểm tra, Biên bản kiểm tra tại các đơn vị, địa phương, Văn bản chỉ đạo	Sở Nội vụ	Các cơ quan chủ trì CCHC của tỉnh, các đơn vị được kiểm tra	Quý II, III/2025	Theo dự toán được cấp
		2.13. Kiểm tra đột xuất việc thực hiện kỷ luật,	3.23. Thông báo kiểm tra	Biên bản kiểm tra,	Sở Nội vụ, Thành viên	Các cơ quan, đơn vị, địa	Năm 2025	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		kỷ cương hành chính, văn hóa công vụ		báo cáo, văn bản chỉ đạo	Đoàn kiểm tra CCHC tỉnh	phương		
5	1.5. Tiếp tục đổi mới phương pháp, cách thức công tác thẩm định, đánh giá CCHC tại các đơn vị, địa phương	2.14. Thực hiện thẩm định chỉ số CCHC các cơ quan, đơn vị, địa phương	3.24. Thông báo lịch thẩm định; tiến hành thẩm định; họp hội đồng thẩm định cấp tỉnh và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả	Thông báo, Công văn, Quyết định, kế hoạch	Sở Nội vụ, Đoàn Kiểm tra, HĐTĐ CCHC tỉnh	các cơ quan, đơn vị liên quan	Theo kế hoạch thẩm định hằng năm	
6	1.6. Nâng cao năng lực cho cán bộ, công chức trong tham mưu, triển khai CCHC	2.15. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng về CCHC cho cán bộ, công chức	3.25. Các lớp tập huấn, bồi dưỡng	Công văn (kế hoạch), Giấy mời, giáo án, bài giảng	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
7	1.7. Tham quan học tập kinh nghiệm CCHC tại các đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh	2.16. Tổ chức học tập kinh nghiệm CCHC tại một số tỉnh, thành phố	3.26. Các chuyến tham quan học tập kinh nghiệm	Công văn, báo cáo	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ							
1	1.1. Phấn đấu 100% các nội dung Luật, Nghị quyết của Quốc hội, Pháp lệnh, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Lệnh, Quyết định của Chủ tịch nước, Nghị định của	2.1. Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để quy định chi tiết các nội dung được giao tại văn bản pháp luật của Trung ương	3.1. Rà soát và lập danh mục nội dung giao quy định chi tiết tại các văn bản QPPL của Trung ương	Danh mục	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Thường xuyên	0
			3.2. Xây dựng các	Các văn	Sở, ban,	Sở Tư	Thường	380

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	Chính phủ, Thông tư của các Bộ, ngành Trung ương giao HĐND tỉnh và UBND tỉnh quy định chi tiết được triển khai, thực hiện kịp thời		dự thảo văn bản	bản QPPL	ngành có liên quan	pháp	xuyên	
			3.3. Theo dõi, đơn đốc các đơn vị tham mưu kịp thời, có chất lượng các văn bản được Trung ương giao quy định chi tiết	Văn bản đơn đốc	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh	Thường xuyên	0
	1.2. Phần đầu 100 % văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh được rà soát để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp với quy định	2.2. Nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật	3.4. Thực hiện nghiêm túc quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật	Báo cáo, công văn	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã	Thường xuyên	0
			3.5. Hướng dẫn nghiệp vụ chuyên sâu nâng cao kỹ năng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	Hội nghị tập huấn hoặc Công văn hướng dẫn	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã	Thường xuyên	0
			3.6. Tăng cường công tác kiểm tra, tự kiểm tra văn bản QPPL	Văn bản hướng dẫn; Báo cáo kết quả kiểm tra	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã	Thường xuyên	0
			3.7. Thực hiện rà	Báo cáo	Sở, ban,	Sở Tư	Thường	0

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			soát văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh thuộc lĩnh vực của mình.	kết quả rà soát; Văn bản xử lý sau rà soát	ngành cấp tỉnh	pháp	xuyên	
2	1.3. Phấn đấu 100% văn bản QPPL của Trung ương, của tỉnh được tổ chức thực hiện kịp thời, hiệu quả	2.3.Kiểm tra công tác TDTHPL và tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh	3.8.Thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành	- Thành lập đoàn kiểm tra - Thực hiện kiểm tra tại các cơ quan đơn vị, địa phương	Sở Tư pháp	Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã	Quý IV năm 2025	25
		2.4. Tổ chức thực hiện kịp thời các văn bản QPPL	3.9.Triển khai kịp thời các văn bản QPPL của Trung ương và địa phương thuộc lĩnh vực mình.	Tổ chức hội nghị triển khai hoặc Công văn	Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Sở Tư pháp	Thường xuyên	0
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH							
1	1.1. 100% các xã, phường bố trí Trung tâm phục vụ hành chính công cấp xã để phục vụ người dân, doanh nghiệp đảm bảo thông suốt, hiệu quả, không gián đoạn, phù hợp mô hình	2.1. Chuẩn hóa mô hình tổ chức, nhân sự, quy trình vận hành và bố trí cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng CNTT phục vụ cho hoạt	3.1. Triển khai kịp thời theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền	Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Các xã, phường	Văn phòng UBND tỉnh	Tháng 7/2025	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	chính quyền địa phương 02 cấp	động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã theo hướng dẫn của cấp trên, phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp		phục vụ người dân, doanh nghiệp thông suốt, hiệu quả				
2	1.2. Thực hiện quy trình đánh giá tác động đối với dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC	2.2. Xây dựng dự thảo Nghị quyết HĐND hoặc Quyết định UBND có quy định TTHC	3.2. Triển khai đánh giá tác động, tính toán chi phí tuân thủ TTHC; lấy ý kiến Văn phòng UBND tỉnh về TTHC.	Biểu mẫu đánh giá tác động TTHC, Văn bản cho ý kiến về TTHC	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
3	1.3. 100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được rà soát, công bố, công khai; rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ để cắt giảm 20% quy định và 20% chi phí tuân thủ TTHC nội bộ	2.3. Rà soát cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước.	3.3. Tiến hành triển khai rà soát và cắt giảm quy định liên quan đến TTHC nội bộ; trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Biểu mẫu rà soát, báo cáo đơn giản hóa TTHC, Quyết định phê duyệt	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
4	1.4. 100% TTHC được	2.4. Xây dựng dự	3.4. Sau khi	Quyết	Sở, ban,	Văn phòng	Thường	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	công bố, công khai sau khi Bộ, ngành công bố TTHC liên quan	thảo Quyết định công bố	Bộ ban hành Quyết định TTHC các Sở, ban, ngành dự thảo Quyết định ban hành Danh mục TTHC trình Chủ tịch UBND tỉnh ký ban hành Quyết định, cập nhật, vào cơ sở dữ liệu quốc gia, đồng bộ về Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; đồng thời xây dựng Quy trình nội bộ TTHC lấy ý kiến Sở KH&CN hoàn thiện trình UBND tỉnh phê duyệt;	định công bố TTHC	ngành	UBND tỉnh, Sở KH&CN	xuyên	
5	1.5. Tiếp tục triển khai thực hiện số hóa kết quả giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, UBND cấp xã đạt tỷ lệ tối thiểu tương	2.5. Nâng cao tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của	3.5. Tổ chức triển khai quy trình số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC tại Trung	Tỷ lệ số hóa theo quy định	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	ứng: cấp sở 100%, cấp xã 95% số hồ sơ tiếp nhận	sở, ban, ngành, UBND cấp xã	tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và cấp xã 3.6. Theo dõi, cập nhật tình hình và tổ chức thực hiện kế hoạch số hóa kết quả giải quyết TTHC					
6	1.6. Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt 100%. - Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt 90%.	2.6. Đẩy mạnh cung cấp DVC trực tuyến toàn trình, một phần trên Cổng DVC Quốc gia để đồng bộ về Cổng dịch vụ công của tỉnh 2.7. Nâng cao tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	3.7. Thực hiện rà soát, đánh giá TTHC để cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương 3.8. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức khác nhau; tập huấn về kiến thức, kỹ năng	- Báo cáo rà soát - Quyết định - Tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng DVC Quốc gia - Số hồ sơ giải quyết trực tuyến toàn trình, một phần - Giao diện phần	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp xã.	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp	mềm DVC đạt yêu cầu				
7	1.7. Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt tối thiểu 70%	2.8. Đẩy mạnh giao dịch thanh toán trực tuyến đối với các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính	3.9. Triển khai các giải pháp kỹ thuật để hỗ trợ thanh toán trực tuyến trong phần mềm dịch vụ công 3.10. Rà soát, thống kê số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, từ đó đề xuất số TTHC triển khai thanh toán trực tuyến và giao dịch trực tuyến	- Giải pháp kỹ thuật đáp ứng giao dịch và thanh toán trực tuyến - Biểu mẫu rà soát thống kê - Số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai giao dịch thanh toán trực tuyến	Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
8	1.8. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp	2.9. Nâng cao mức độ hài lòng của người	3.11. Nâng cao	Báo cáo; (Đề án/ Kế	Sở, ban, ngành	Văn phòng UBND	Thường xuyên	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	về giải quyết TTHC đạt từ 95% trở lên.	dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC	hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và cấp xã; 3.12. Triển khai, áp dụng các sáng kiến CCHC, mô hình CCHC có hiệu quả trong giải quyết TTHC của các ngành, các lĩnh vực trên toàn tỉnh 3.13. Tổ chức các lớp tập huấn liên quan đến nhiệm vụ kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.	hoạch); Quyết định; Công văn; Các lớp tập huấn	cấp tỉnh; UBND cấp xã	tỉnh		
9	1.9. Tăng cường công tác kiểm tra đột xuất, định	2.10. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện	3.14. Xây dựng	Kế hoạch,	Văn phòng	Các sở, ngành cấp	Thường xuyên	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	kỳ về việc giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương	kiểm tra hồ sơ giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và thực hiện ý kiến chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh	kế hoạch, thông báo lịch kiểm tra	thông báo, biên bản kiểm tra	UBND tỉnh	tỉnh; UBND cấp xã		
10	1.10. Tăng cường công tác đối thoại của lãnh đạo UBND tỉnh với người dân, doanh nghiệp (phần đầu ít nhất từ 01 đến 02 cuộc trong 06 tháng cuối năm)	2.11. Tổ chức các hội nghị đối thoại, diễn đàn	3.15. Xây dựng kế hoạch, phân công các cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp thực hiện đối thoại	Kế hoạch, giấy mời, thông báo	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Tài chính, Sở Công Thương, các cơ quan, đơn vị liên quan	06 tháng cuối năm 2025	
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC							
1	1.1 Tham mưu, đề xuất đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương	2.1 Xây dựng kế hoạch/đề án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt về việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương		Kế hoạch/Đề án	Sở Nội vụ	Sở, ban, ngành, địa phương	Năm 2025	
2	1.2 Hoàn thành việc kiện	2.2 Cho ý kiến, thẩm	3.1 Thực hiện	Văn bản	Sở Nội vụ		Theo lộ	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	toàn, sắp xếp đối với các cơ quan, đơn vị đảm bảo đúng quy định và hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh.	định Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị	thẩm định Đề án sắp xếp, kiện toàn cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị	cho ý kiến/ Văn bản thẩm định trình cấp có thẩm quyền kiện toàn, quy định cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị.	cho ý kiến/ thẩm định trình cấp có thẩm quyền kiện toàn, quy định cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị	Các Sở, ban, ngành có liên quan	trình được cấp có thẩm quyền giao	
		2.3 Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị, địa phương triển khai các nội dung liên quan đến sắp xếp, kiện toàn các cơ quan, đơn vị		Văn bản đôn đốc, hướng dẫn	Sở Nội vụ	Địa phương, sở, ngành có liên quan		
		2.4 Quản lý, sử dụng hiệu quả số biên chế công chức, viên chức được giao		Văn bản đôn đốc/hướng dẫn	Sở Nội vụ	Địa phương, sở, ban ngành có	Theo lộ trình đề án được phê	
	1.3 Phân đầu năm 2025 giảm 28 biên chế công chức so với năm 2024							

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
2						liên quan	duyet	
		2.5 Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, phân loại thực chất cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện tinh giản biên chế đúng đối tượng (những cán bộ, công chức, viên chức chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm; không hoàn thành nhiệm vụ, những người dôi dư do xác định vị trí việc làm và sắp xếp tổ chức). Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc và trực thuộc thực hiện nghiêm túc việc đánh giá, phân loại công chức, viên chức hàng năm		Văn bản đôn đốc/ hướng dẫn	Sở Nội vụ	Địa phương, sở, ban ngành có liên quan	Theo lộ trình đề án được phê duyet	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		2.6 Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ, xã hội hóa đối với các đơn vị sự nghiệp công lập; đánh giá khả năng tự chủ về tài chính của các cơ quan, đơn vị, chuyển biên chế ngân sách sang biên chế tự chủ tại các đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm một phần chi thường xuyên.	3.2 Rà soát, đánh giá và trình Quyết định tỷ lệ tự chủ tài chính của đơn vị hàng năm hoặc theo giai đoạn	Văn bản liên ngành	Sở Tài chính	Địa phương, sở, ban ngành có liên quan	Theo lộ trình đề án được phê duyệt	
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ							
1	1.1. 90% cán bộ, công chức cấp xã khôi phục chính quyền có trình độ đại học trở lên và được chuẩn hoá về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc (trừ các chức danh có quy định khác của cơ quan có thẩm quyền)	2.1 Tuyên truyền, xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng	3.1 Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với yêu cầu thực tiễn cho CBCC	Kế hoạch	Sở Nội vụ	UBND cấp xã và các đơn vị liên quan	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
2		2.2 Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật về	3.2 Phối hợp mở lớp đào tạo, bồi dưỡng thực hiện tốt, đồng	Mở lớp bồi dưỡng theo kế hoạch	Sở Nội vụ; UBND cấp xã	UBND cấp xã và các đơn vị liên quan	Năm 2025	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng thực thi công vụ, nhiệm vụ theo vị trí việc làm, kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin	bộ công tác đào tạo bồi dưỡng dưỡng kỹ năng thực thi công vụ, nhiệm vụ theo vị trí việc làm, kỹ năng sử dụng và ứng dụng công nghệ thông tin.					
3	1.2. Năm 2025 thu hút nhân tài vào làm việc trong các cơ quan, đơn vị thuộc UBND tỉnh khoảng 02% so với tổng số tuyển dụng mới	2.3 Phê duyệt chỉ tiêu tuyển dụng công chức theo Nghị định số 179/2024/NĐ-CP		Quyết định	UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ thẩm định)	Các sở, ban ngành; UBND cấp xã; đơn vị sự nghiệp	Năm 2025	Thông tư số 92/2021/TT-BTC ngày 28/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ...
		2.4 Tổ chức tuyển dụng theo quy định		Quyết định	UBND tỉnh (Sở Nội vụ tham mưu)	Các Sở, ban ngành; UBND cấp xã; đơn vị sự nghiệp	Năm 2025	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG							
1	1.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN; vốn thực hiện các đề án, chính sách, Chương trình MTQG	2.1. Hướng dẫn, đơn đốc, báo cáo	3.1. Văn bản hướng dẫn, đơn đốc, báo cáo	Công văn	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã (cơ quan được giao quản lý, sử dụng vốn NSNN)	Các Sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã	Năm 2025	
2	1.2. Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách.	2.2. Đơn đốc, báo cáo	3.2. Văn bản đơn đốc, báo cáo	Công văn	Sở Tài chính	Các Sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã	Năm 2025	
3	1.3. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị	2.3. Hướng dẫn, đơn đốc 2.4. Hướng dẫn, đơn đốc các cơ quan, đơn vị điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý	3.3. Văn bản hướng dẫn, đơn đốc	Công văn	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã	Năm 2025	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
		nhà, đất (nếu có)						
4	1.4. Tỷ lệ sắp xếp lại nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý đạt trên 85%	2.5. Hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt	3.4. Văn bản hướng dẫn, đôn đốc	Công văn	Sở Tài chính	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã	Năm 2025	
5	1.5. 100% đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 111/2025/NĐ-CP)	2.6. Tập huấn cho các đơn vị sự nghiệp công lập. 2.7. Cho ý kiến về giao quyền tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập	3.6. Tổ chức tập huấn. 3.7. Nghiên cứu phương án tự chủ tài chính của đơn vị; ban hành văn bản cho ý kiến	Giấy mời/ Văn bản	5.1.Trung tâm dịch vụ tài chính và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Hà Tĩnh 5.2. Sở Tài chính (đối với đơn vị SNCL thuộc cấp tỉnh); UBND cấp xã	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã	Năm 2025	
6	1.6. Ban hành, sửa đổi,	2.8. Tham mưu						

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thuộc phạm vi quản lý tại địa phương	UBND tỉnh ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN	3.8. Xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật của từng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN	Quyết định	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã	Năm 2025	
7	1.7. Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của địa phương.	2.9. Tham mưu UBND tỉnh ban hành	3.9. Xây dựng tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước	Quyết định	Các sở, ngành, đơn vị liên quan	Các sở, ngành, đơn vị, UBND cấp xã	Năm 2025	
8	1.8. Số đơn vị SNCL tăng mức độ (tỷ lệ) tự chủ tài chính	2.10. Thẩm định dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định và xác định mức hỗ trợ chi thường xuyên từ nguồn NSNN.	3.10. Nghiên cứu phương án của đơn vị, ban hành văn bản cho ý kiến. 3.11. Tham mưu cấp có thẩm quyền điều	Văn bản	Sở Tài chính (đối với đơn vị SNCL thuộc cấp tỉnh); UBND cấp	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2025	

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			chỉnh mức độ tự chủ của các đơn vị SNCL		xã			
9	1.9. Giảm chi hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập	2.11. Thẩm định dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định và xác định mức hỗ trợ chi thường xuyên từ nguồn NSNN. SNCL	3.12. Nghiên cứu phương án của đơn vị, ban hành văn bản cho ý kiến. 3.13. Tham mưu cấp có thẩm quyền điều chỉnh giảm dự toán của các đơn vị SNCL.	Văn bản	Sở Tài chính (đối với đơn vị SNCL thuộc cấp tỉnh); UBND cấp xã	Các Sở, ngành, đơn vị liên quan	Năm 2025	
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ, CHÍNH PHỦ SỐ							
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của đơn vị							
1.1	1.1. 100% cơ quan Đảng, chính quyền các cấp kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng	2.1 Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng toàn tỉnh	3.1: Triển khai mạng truyền số liệu dùng (TSLCD) cấp II trên địa bàn tỉnh	Mạng truyền số liệu dùng (TSLC D) cấp II	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các Sở, ban ngành liên quan	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
1.2	1.2. 100% cán bộ, công chức, viên chức được	2.2 Đào tạo nâng cao trình độ chuyên	3.2. Đào tạo nâng cao trình độ	Lớp đào tạo	Sở Khoa học và	Sở Nội vụ; các sở, ban	Năm 2025	Theo dự

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	đào tạo, bồi dưỡng hoặc tự bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng số, bảo đảm ứng dụng hiệu quả các nền tảng số, khai thác dữ liệu số trong hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của các ngành, các cấp	môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách CNTT các cấp	chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách CNTT các cấp		Công nghệ	ngành liên quan		toán được cấp
		2.3 Tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về CDS cho đội ngũ lãnh đạo, CCCVC các cấp	3.3. Tập huấn nâng cao nhận thức, kỹ năng về CDS cho đội ngũ lãnh đạo, CCCVC các cấp	Lớp tập huấn	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Nội vụ; các sở, ban ngành liên quan	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
1.3	1.3. 40% hệ thống thông tin của tỉnh được vận hành trên nền tảng điện toán đám mây. 100% chính quyền xã, phường sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất, liên thông	2.4. Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở tỉnh Hà Tĩnh	3.4. Xây dựng Kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở tỉnh Hà Tĩnh	Kho dữ liệu dùng chung, Cổng dữ liệu mở của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các sở, ban ngành liên quan	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
		2.5. Xây dựng, triển khai, hoàn thiện, quản lý hệ thống thông tin và CSDL các ngành, lĩnh vực	3.5. Xây dựng, triển khai, hoàn thiện, quản lý hệ thống thông tin và CSDL các ngành, lĩnh vực	CSDL các ngành, lĩnh vực	Các sở, ban ngành liên quan	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
		2.6. Triển khai Trung tâm điều	3.6. Triển khai Trung tâm điều	Trung tâm điều		Sở Tài chính; các		Theo dự

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
1.4	1.4. 100% hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước phê duyệt cấp độ an toàn; 100% hệ thống thông tin theo cấp độ của các cơ quan nhà nước triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn	hành, giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023-2025	hành, giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023-2025	hành, giám sát an toàn, an ninh mạng (SOC)	Công an tỉnh	sở, ban ngành liên quan	Năm 2025	toán được cấp
		2.7. Triển khai giải pháp phòng chống mã độc quản trị tập trung	3.7. Triển khai giải pháp phòng chống mã độc quản trị tập trung	Giải pháp phòng chống mã độc quản trị tập trung	Công an tỉnh	Sở Tài chính; các sở, ban ngành liên quan	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
		2.8 Nâng cấp thiết bị bổ sung hệ thống thiết bị phục vụ công tác đảm bảo An toàn thông tin mạng	3.8: Nâng cấp thiết bị bổ sung hệ thống thiết bị phục vụ công tác đảm bảo An toàn thông tin mạng	Bổ sung trang thiết bị phục vụ bảo đảm ATTTT mạng	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các sở, ban ngành liên quan	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
	1.5. 100% hồ sơ công việc tại các cơ quan	2.9. Nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện các	3.9 Nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện	Nâng cấp, bổ sung, hoàn thiện				

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
1.5	chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp xã được xác lập trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	hệ thống thông tin quản lý, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh phục vụ chuyển đổi số	các hệ thống thông tin quản lý, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh phục vụ chuyển đổi số	các hệ thống thông tin quản lý, chỉ đạo điều hành của UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính	Năm 2025	Theo dự toán được cấp
	1.6. Hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh, thực hiện chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội được thực hiện trực tuyến và liên thông với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ							
2	Áp dụng ISO 9001:2015 trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị							
2.1	1.1. 100% cơ quan, đơn vị duy trì, cải tiến hệ thống đáp ứng yêu cầu TCVN ISO 9001:2015.	2.1. Duy trì và cải tiến hệ thống tại các cơ quan, đơn vị đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn	3.1. Áp dụng hệ thống theo các điều khoản tiêu chuẩn, thực hiện theo các quy trình, hướng dẫn,	300 cơ quan, đơn vị có liên quan duy trì,	Các cơ quan, đơn vị áp dụng	Sở Khoa học và Công nghệ.	Quý I-IV năm 2025	Theo dự toán được cấp

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
			quy định.	cải tiến hệ thống đáp ứng yêu cầu.				
2.2	1.2. 100% các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp, sáp nhập thực hiện rà soát, điều chỉnh và công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo TCVN ISO 9001:2015.	2.2. Rà soát, điều chỉnh và công bố áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo TCVN ISO 9001:2015.	3.2. Công bố áp dụng hệ thống theo các điều khoản tiêu chuẩn, thực hiện theo các quy trình, hướng dẫn, quy định.	84 cơ quan, đơn vị có liên quan công bố hệ thống đáp ứng yêu cầu.	Các cơ quan, đơn vị áp dụng	Sở Khoa học và Công nghệ.	Quý I-IV năm 2025	Theo dự toán được cấp
2.3	1.3. 09 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên hoàn thành xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2015 trong năm 2025.	2.3. Xây dựng mới hệ thống tại 09 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	3.3. Triển khai xây dựng, áp dụng và công bố hệ thống tại các đơn vị	09 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên	Sở Khoa học và Công nghệ	Các trung tâm và đơn vị tư vấn	Quý I-IV năm 2025	Theo dự toán được cấp
2.4	1.4. 100% dự thảo Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ thủ tục	2.4. Soát xét, kiểm tra, cho ý kiến đối với các dự thảo	3.4. Thực hiện việc soát xét, kiểm tra, cho ý	Quyết định phê	Sở Khoa học và Công	Văn phòng UBND	Quý I-IV năm 2025	Theo dự toán

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp xã do UBND tỉnh ban hành được soát xét, kiểm tra, cho ý kiến đáp ứng yêu cầu	Quyết định phê duyệt Quy trình nội bộ TTHC do các Sở, ban, ngành xây dựng theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan, các quy trình được xây dựng theo hướng tối ưu hoá về trình tự thực hiện đảm bảo đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.	kiến đổi với các dự thảo Quyết định phê duyệt Quy trình nội bộ TTHC do các Sở, ban, ngành xây dựng theo đúng các quy định của pháp luật có liên quan	duyet Quy trình nội bộ TTHC của UBND tỉnh	nghe	tỉnh; Các Sở, ban, ngành liên quan		được cấp
2.5	1.5. 25% tổng số các cơ quan, đơn vị áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015 được kiểm tra, đánh giá trong năm.	2.5. Thực hiện kiểm tra, đánh giá việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan, đơn vị theo yêu cầu của tiêu chuẩn và các quy định liên quan khác.	3.5. Thực hiện việc kiểm tra, đánh giá tại các cơ quan, đơn vị đã xây dựng, áp dụng hệ thống.	Kiểm tra tại 78 cơ quan, đơn vị	Sở Khoa học và Công nghệ (chủ trì, phối hợp kiểm tra)	Các cơ quan, đơn vị	Quý II-IV năm 2025	Theo dự toán được cấp
2.6	1.6. Tổ chức 04 cuộc tập huấn nâng cao nhận thức và 01 cuộc đào tạo	2.6. Tổ chức tập huấn, đào tạo nghiệp vụ về Hệ	3.5. Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo	04 cuộc tập huấn và 01	Sở Khoa học và Công	Các cơ quan, đơn vị; tổ chức	Quý II-IV năm 2025	Theo dự toán

TT	1- Mục tiêu/Chỉ tiêu/nội dung	2- Nhiệm vụ	3- Hoạt động	4- Kết quả, sản phẩm	5- Chủ trì	6- Phối hợp	7- Thời gian hoàn thành	8- Kinh phí
	nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá về hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015	thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2015		cuộc đào tạo nghiệp vụ kiểm tra, đánh giá theo TCVN ISO 9001:2015	nghệ	đào tạo, chứng nhận hệ thống		được cấp
2.7	1.7. Xây dựng Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Kế hoạch 310/KH-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh.	2.7. Xây dựng Báo cáo sơ kết đánh giá kết quả thực hiện các nội dung theo Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh.	3.7. Xây dựng Báo cáo sơ kết đánh giá kết quả thực hiện.	Báo cáo sơ kết 03 năm thực hiện Kế hoạch số 310/KH-UBND ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các cơ quan, đơn vị áp dụng ISO	Quý IV năm 2025	Theo dự toán được cấp